

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CĐ
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HS-ST

Ngày: 16 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Út

Bà Hồ Thị Đoan Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị N– Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh LA tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Minh Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2022/TLST- HS ngày 25 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Giang Thành G, sinh năm: 1995; tại tỉnh H; Nơi ĐKKHKT: Ấp 3, Vị Tân, thành phố V, tỉnh H; Nơi cư trú: ấp Long Thanh, xã T, huyện C, tỉnh LA; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Giang Minh A (chết) và bà Trần Thị N; Vợ: Võ Thị Lan Ch; Con: 01 người sinh năm 2021; Tiền sự: không; Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HSST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, xử phạt Giang Thành G 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, chưa chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/6/2022 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Chị Lý Thị Búp Pha R, sinh năm: 1996 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Phước Vĩnh, xã T, huyện C, tỉnh LA.

- Người có quyền lợi- nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Anh Danh L, sinh năm: 1995 (xin vắng mặt);

2/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1960 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Phước Vĩnh, xã T, huyện C, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo: Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 26/4/2022, Giang Thành G đi nhờ xe của người bạn tên Võ Nhật Trường nhà ở xã Phước Tuy, huyện C từ nhà trọ thuộc ấp Long Thanh, xã T đến công ty nhựa Bách Việt tại ấp Phước Vĩnh, xã T, huyện C để làm công nhân. Làm việc đến 04 giờ ngày 27/4/2022 thì G được nghỉ giải lao. G dùng đèn pin trong công ty để rọi đi bộ qua vườn nhà bà Nguyễn Thị T kế công ty để hái rau về ăn. Khi qua vườn nhà bà T, G thấy cửa sau phòng trọ của chị Lý Thị Búp Pha R không khóa nên nảy sinh ý định ý định vào trong tìm tài sản trộm cắp. G mở cửa đi vào phòng, rọi đèn không thấy ai. G thấy cạnh giường ngủ của chị R có 01 cái tủ nhựa màu trắng nên G mở tủ tìm tài sản. G dùng tay kéo ngăn tủ trên cùng bên trái ra, thấy 01 hộp giấy hình vuông, màu vàng bên trong có rất nhiều trang sức bằng vàng nên lấy cắp bỏ vào túi quần Jean bên phải, G bỏ cái hộp lại chỗ cũ, rồi đi theo lối cũ về công ty làm việc. Đến 07 giờ cùng ngày, G trở về phòng trọ, kiểm tra số vàng lấy cắp của chị R gồm: 01 (một) sợi dây chuyền loại mắt xích bằng kim loại màu vàng; 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có đính hình tượng phật màu trắng ngà; 01 (một) Chiếc nhẫn kiểu bằng kim loại màu vàng có đính hột đá màu trà; 01 (một) Chiếc nhẫn kiểu bằng kim loại màu trắng, có đính hột đá màu trắng; 01 (một) Chiếc nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng có đính hột đá màu trắng; 01 (một) Chiếc nhẫn có gắn hai trái châu bằng kim loại màu vàng; 01 (một) mặt dây chuyền hình Chiếc lá bằng kim loại màu vàng.

Sau đó, G cất hết số vàng vào túi áo sơ mi tay ngắn, sọc nhẵn, màu trắng hồng, treo lên sào quần áo trong phòng trọ, rồi đi ngủ.

Đến 09 giờ cùng ngày, Công an xã T đến mời làm việc, G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐGTS ngày 04/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh LA, kết luận:

1/ 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18 kara, loại mắt xích, có tượng phật màu trắng ngà, trọng lượng 02 chỉ 98 phân;

2/ 01 (một) Chiếc nhẫn kiểu vàng 18 kara, đính hột hột đá màu trà, trọng lượng 02 chỉ 16 phân;

3/ 01 (một) Chiếc nhẫn kiểu, màu trắng, vàng 10 kara, đính hột màu trắng, trọng lượng 01 chỉ 08 phân;

4/ 01 (một) Chiếc nhẫn trơn vàng 18 kara, đính hột đá màu trắng, trọng lượng 04 phân;

5/ 01 (một) Chiếc nhẫn vàng 18 kara, có gắn 02 trái châu, trọng lượng 01 chỉ 04 phân;

6/ 01 (một) mặt dây chuyền 18 kara, hình Chiếc lá, trọng lượng 05 phân 08 ly.

Tổng giá trị tài sản: 29.445.000 đồng. (Hai mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Giang Thành G thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo trình bày: Bị cáo bị truy cứu về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan sai. Bị cáo không có ý kiến về Kết luận định giá tài sản và lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt mà Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo; không có ai đe dọa, cưỡng ép.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa về diễn biến sự việc và hành vi phạm tội của bị cáo. Chị Lý Thị Búp Pha R đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Bản Cáo trạng số 34/CT-VKSCĐ ngày 24/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh LA truy tố bị cáo Giang Thành G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Giang Thành G phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Giang Thành G từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Đề nghị miễn phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: không đề cập.

Ý kiến của bị cáo về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Xét nội dung vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Vào khoảng 04 giờ ngày 27/4/2022, Giang Thành G đã lẻn lút vào nhà trọ của Lý Thị Búp Pha R thuộc Ấp Phước Vĩnh, xã T, huyện C lấy trộm số trang sức bằng vàng đem về phòng trọ của G cất giấu. Đến 09 giờ cùng ngày, Công an xã T mời G làm việc, G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và nộp lại toàn bộ tài sản trộm để trả lại cho chị Pha R. Kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐGTS ngày 04/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh LA, kết luận tổng giá trị tài sản (số trang sức bằng vàng) mà G chiếm đoạt là 29.445.000 đồng.

Tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... ”

Như vậy hành vi của bị cáo Giang Thành G đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình Sự, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh LA đối với bị cáo là có căn cứ. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố bị cáo Giang Thành G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[3] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện giao lại tài sản trả cho người bị hại; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; con bị cáo còn nhỏ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Xét hình phạt đối với bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người bị hại; tác động xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Với tính chất hành vi, khả năng nhận thức của bị cáo, mức độ hậu quả mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng hình phạt tù đối với bị

cáo. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nên không đủ điều kiện để cho hưởng án treo. Xét bị cáo không có thu nhập nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát miễn phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[6] *Xét trách nhiệm dân sự*: Chị Lý Thị Búp Pha R đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xét.

[7] *Về án phí*: Bị cáo Giang Thành G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố: Bị cáo Giang Thành G phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt bị cáo Giang Thành G: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: Bị cáo Giang Thành G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Út Hồ Thị Đoan Vân

Huỳnh Hữu Nghĩa

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi

là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân tN mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân tN mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)